

Số: **19** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **21** tháng **01** năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
(BỔ SUNG)

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Thiết bị Đo lường APPATECH và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 08/01/2022.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Thiết bị Đo lường APPATECH

Mã số thuế: 0401484855

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Xuân Khoát, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định công trình

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 7, đường 2 tháng 9, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 1696

3. Giấy chứng nhận này bổ sung cho Giấy chứng nhận số 312/GCN-BXD ngày 25/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng cho Công ty TNHH Thiết bị Đo lường APPATECH và có hiệu lực đến hết ngày 25/12/2025./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Thiết bị Đo lường APPATECH;
- Sở XD Đà Nẵng;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHEP THỬ BỔ SUNG CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1696

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 19 /GCN-BXD, ngày 21 tháng 01 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
Thử nghiệm xi măng		
1	Xác định sự thay đổi chiều dài thanh vữa trong dung dịch sunfat.	TCVN 7713:2007; ASTM C1012
2	Xác định nhiệt thủy hóa	TCVN 6070:2005; ASTM C186
3	Xác định độ nở Autoclave	TCVN 8877:2011
4	Xác định hàm lượng: Cặn không tan (CKT); Magiê Oxit (MgO), Ion Clorua (Cl ⁻)	TCVN 141:2008
Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng		
5	Xác định cường độ chịu kéo trực tiếp	CRD C164
6	Xác định cường độ lăng trụ khi nén tĩnh	TCVN 5726:1993; ASTM C469/469M
7	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020
8	Xác định nhiệt độ của hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:2012
9	Xác định hàm lượng Sunfat	TCVN 9336:2012
10	Xác định độ thấm Ion clo	TCVN 9337:2012; ASTM C1202
11	Bê tông tự lèn, Xác định: Độ chảy loang và thời gian chảy loang; Thời gian chảy qua phễu V; Khả năng chảy qua hộp L; Khả năng chảy qua vòng J; Khả năng chống phân tầng theo phương pháp sàng	TCVN 12209:2018
12	Xác định chiều sâu thấm nước dưới áp lực	BS EN 12390-8:2019
13	Thử nghiệm cường độ chịu uốn của bê tông cốt sợi	TCVN 12393:2018; ASTM C1550; ASTM C1609/1609M
14	Xác định thời gian đông kết	ASTM C403
Cốt liệu cho bê tông và vữa		
15	Xác định hàm lượng hạt cốt liệu nhỏ hơn 75 μ m.	TCVN 9205:2012; ASTM C117
Vật liệu kim loại và cấu kiện công trình		
16	Dây thừng: Xác định đường kính, Khối lượng riêng, chiều dài lớp, bước bện, độ giãn dài và lực bền kéo đứt dây thừng bện.	BS EN ISO 2307; ISO 2307
17	Thử kéo kim loại, dây kim loại	TCVN 1824:1993; ASTM B557; ASTM E8/E8M
18	Thử xoắn dây kim loại	TCVN 1825:2008
19	Thép kéo, thử uốn và thử cắt của dây thép vuốt nguội, lưới thép hàn, ống kim loại.	TCVN 9391:2012; TCVN 6288:1997; TCVN 5891:2008
20	Sợi thép cho bê tông cốt sợi: Xác định: ngoại quan, kích thước và mức sai lệch kích thước; cường độ chịu kéo; khả năng chịu uốn.	TCVN 12392-1:2018
21	Sợi Polime cho bê tông cốt sợi: Xác định: chiều dài sợi; đường kính hoặc đường kính tương đương; độ nhỏ; cường độ chịu kéo	TCVN 12392-2:2018
22	Thử áp lực ống kim loại	TCVN 1832:2008; TCVN 11221:2015
23	Kiểm tra không phá hủy mối hàn nóng chảy bằng mắt thường	TCVN 7507:2005
24	Sản phẩm bó vữa bê tông đúc sẵn. Xác định: Kích thước và mức sai lệch cho phép; Ngoại quan và khuyết tật cho phép; Khả năng chịu tải	TCVN 10797:2015

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
25	Tấm bê tông cốt thép đúc sẵn gia cố mái kênh và lát mặt đường. Xác định: Kích thước và mức sai lệch cho phép; Ngoại quan và khuyết tật cho phép; Khả năng chịu tải.	TCVN 10798:2015
26	Gối công bê tông đúc sẵn. Xác định: Kích thước và mức sai lệch cho phép; Ngoại quan và khuyết tật cho phép; Khả năng chịu tải.	TCVN 10799:2015
27	Bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn – Bể lọc chậm và bể nước sinh hoạt. Xác định: Kích thước và mức sai lệch cho phép; Ngoại quan và khuyết tật cho phép; Khả năng chống thấm nước.	TCVN 10800:2015
28	Phương pháp kiểm tra mương bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn. Xác định: Kích thước và mức sai lệch cho phép; Ngoại quan và các khuyết tật; Khả năng chống thấm nước; Khả năng chịu tải.	TCVN 6394:2014
29	Hố ga bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn - Hồ thu nước và hố ngăn mùi. Xác định: Kích thước; Ngoại quan; Cường độ bê tông; Khả năng chống thấm nước; Khả năng chịu tải	BS EN 124:2015; TCVN 10333-1:2014
30	Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn. Xác định: Kích thước; Ngoại quan; Độ hút nước; Cấp độ bền va đập; Độ bền treo vật nặng; Độ cách âm không khí; Giới hạn chịu lửa.	TCVN 11524:2016; TCVN 9311-8:2012; ISO 8301
31	Hố ga bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn – Giếng thăm hình hộp. Xác định: Kích thước; Ngoại quan; Cường độ bê tông; Khả năng chống thấm nước; Khả năng chịu tải	BS EN 124:2015; TCVN 10333-2:2014
32	Cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn – Phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt.	TCVN 9347:2012
33	Phương pháp kéo đứt thử độ bám dính nền của lớp phủ mặt kết cấu xây dựng và kim loại	TCVN 9349:2012; ASTM D4541
Thử nghiệm cơ lý của vật liệu chống thấm, cao su, chất kết dính gốc nhựa Epoxy:		
34	Vật liệu chống thấm – Sơn bitum cao su, xác định: Độ chịu nhiệt, độ xuyên nước, độ bền lâu.	TCVN 6557:2000
35	Xác định độ bền chọc thủng động tấm trải chống thấm bitum.	TCVN 9067:2012; ASTM D4554
36	Xác định khối lượng riêng của cao su	TCVN 4866:2013; TCVN 6039-1:2015
37	Thử già hóa tăng tốc và độ bền nhiệt	TCVN 2229:2013; ASTM D6341
38	Cao su – Chất dẻo: Xác định sự tác động của hóa chất lỏng.	TCVN 2752:2017; TCVN 9847: 2013 ASTM D471; ASTM D570
39	Xác định độ cứng ấn lõm cao su sử dụng thiết bị đo độ cứng Shore	ISO 7619-1:2010
40	Xác định tính chất nén của chất dẻo	TCVN 11993:2017; ISO 604
41	Xác định khối lượng thể tích thanh trương nở	ASTM D71
42	Xác định bám dính với nền cứng – Phương pháp kéo bóc 90°.	TCVN 4867:2018
43	Phương pháp thử cơ lý các tấm lợp bitum dạng sóng	TCVN 8052-2:2009

Doc

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
44	Vật liệu chống thấm gốc xi măng – Polime, xác định khả năng tạo cầu vết nứt.	BSEN 14891:2012
45	Tấm CPE – Xác định độ dày	TCVN 9049-1:2014
46	Tấm CPE – Xác định độ bền bóc tách của mỗi hàn.	TCVN 9049-2:2014
47	Tấm CPE – Xác định tỉ lệ thay đổi khối lượng ở 70 ⁰ C	TCVN 9049-3:2014
48	Tấm CPE – Xác định độ bền trong môi trường vi sinh	TCVN 9049-4:2014
49	Tấm CPE – Xác định độ bền trong môi trường hóa chất	TCVN 9049-5:2014
50	Xác định khả năng thích ứng nhiệt.	TCVN 7952-7: 2008
51	Xác định hệ số co ngót sau khi đóng rắn.	TCVN 7952-8: 2008
52	Xác định cường độ chịu nén ở điểm chảy	TCVN 7952-9: 2008; ASTM D695
53	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt.	TCVN 7952-10: 2008
54	Xác định cường độ liên kết	TCVN 7952-11: 2008; ASTM C882
Thử nghiệm tại hiện trường		
55	Xác định chỉ số CBR của nền tại hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429
56	Xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông.	TCVN 9356:2012
57	Cường độ nén ước tính bằng phương pháp siêu âm	ASTM C597; BS EN 12504-4
58	Thử tải giàn giáo	TCVN 6052:1995
59	Cọc – Phương pháp thử động biến dạng lớn.	TCVN 11321:2016; ASTM D4945
60	Quan trắc lún công trình; Trắc địa công trình xây dựng; Quan trắc chuyển dịch ngang, chuyển dịch nghiêng.	TCVN 9360:2012; TCVN 9398:2012 TCVN 9399:2012; TCVN 9400:2012
Thử nghiệm vữa xây dựng		
61	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2003
62	Xác định độ chảy của vữa tươi theo PP bàn dẫn	ASTM C1437/C230
63	Xác định cường độ bám dính	TCVN 3121-12:2003
64	Xác định hàm lượng ion clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17:2003
65	Vữa cho bê tông nhẹ, Xác định: Thời gian điều chỉnh, Hệ số hút nước do mao dẫn.	TCVN 9028:2011
66	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co: Xác định độ tách nước và giãn nở thể tích	ASTM C940
67	Vữa xi măng cốt sợi thủy tinh. Xác định: Độ chảy; Hàm lượng cốt sợi trong hỗn hợp vữa; Cường độ uốn; Độ hút nước; Khối lượng riêng; Biến dạng ẩm; Độ bền khí hậu.	BS EN 1170-1
Thử nghiệm gạch Terazzo, ngói lợp		
68	Gạch Terazzo: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; Xác định độ hút nước bề mặt; Xác định độ chịu mài mòn; Xác định độ bền uốn.	TCVN 7744:2013; TCVN 6065:1995
69	Ngói lợp đất sét nung: Kiểm tra ngoại quan và kích thước; Xác định độ hút nước; Xác định tải trọng uốn gãy; Xác định khối lượng một mét vuông ngói ở trạng thái bão hòa nước; Xác định thời gian xuyên nước	TCVN 1452:2004; TCVN 4313:1995

Đạt

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
Thử nghiệm vật liệu gỗ tự nhiên, gỗ ghép thanh bằng keo		
70	Xác định số vòng năm.	TCVN 8045:2009
71	Xác định độ hút ẩm.	TCVN 8046:2009
72	Xác định độ bền tách.	TCVN 8047:2009
73	Xác định độ ẩm	TCVN 8048-1:2009
74	Xác định khối lượng thể tích.	TCVN 8048-2:2009
75	Xác định độ bền uốn tĩnh.	TCVN 8048-3:2009
76	Xác định mô đun đàn hồi uốn tĩnh.	TCVN 8048-4:2009
77	Thử nghiệm nén vuông góc với thớ.	TCVN 8048-5:2009
78	Xác định ứng suất kéo song song thớ.	TCVN 8048-6:2009
79	Xác định ứng suất kéo vuông góc thớ.	TCVN 8048-7:2009
80	Xác định ứng suất cắt song song thớ.	TCVN 8048-8:2009
81	Xác định độ bền cắt song song thớ.	TCVN 8048-9:2009
82	Xác định độ bền uốn va đập.	TCVN 8048-10:2009
83	Xác định độ cứng va đập.	TCVN 8048-11:2009
84	Xác định độ cứng tĩnh.	TCVN 8048-12:2009
85	Xác định độ co rút theo phương xuyên tâm và phương tiếp tuyến.	TCVN 8048-13:2009
86	Xác định độ co rút thể tích.	TCVN 8048-14:2009
87	Xác định độ giãn nở theo phương xuyên tâm và phương tiếp tuyến.	TCVN 8048-15:2009
88	Xác định độ giãn nở thể tích.	TCVN 8048-16:2009
89	Gỗ ghép thanh bằng keo – Phương pháp thử xác định các tính chất cơ lý: mô đun đàn hồi khi uốn, mô đun trượt; độ bền uốn; mô đun đàn hồi khi kéo dọc thớ; độ bền kéo dọc thớ; mô đun đàn hồi khi nén dọc thớ; độ bền nén dọc thớ; mô đun đàn hồi khi kéo ngang thớ; độ bền kéo ngang thớ; mô đun đàn hồi khi nén ngang thớ; độ bền nén ngang thớ và độ bền trượt.	TCVN 8574:2010
90	Gỗ ghép thanh bằng keo – Phương pháp thử độ bền trượt của mạch keo	TCVN 8576:2010
91	Gỗ ghép thanh bằng keo – Phương pháp thử tách mạch keo	TCVN 8577:2010
Thử nghiệm gạch Ceramic		
92	Xác định độ bền va đập bằng cách đo hệ số phản hồi	TCVN 6415-5:2016
93	Xác định độ bền sốc nhiệt	TCVN 6415-9:2016
94	Xác định độ bền rạn men	TCVN 6415-11:2016

Doc

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
95	Xác định độ bền băng giá	TCVN 6415-12:2016
96	Xác định độ bền hóa chất	TCVN 6415-13:2016
97	Xác định độ bền chống bám bẩn	TCVN 6415-14:2016
98	Xác định sự khác biệt nhỏ về màu	TCVN 6415-16:2016
99	Xác định hệ số ma sát	TCVN 6415-17:2016
	Thử nghiệm sơn	
100	Xác định hàm lượng chất rắn và chất tạo màng	TCVN 2093:1993
101	Xác định trạng thái khô hoàn toàn và thời gian khô hoàn toàn	TCVN 2096-1:2015
102	Xác định thời gian khô	TCVN 2096-3:2015
103	Xác định độ cứng của màng sơn	TCVN 2098:2013; ASTM D3363 ISO 15184
104	Xác định độ bền uốn của màng	TCVN 2099:2013
105	Phép thử tải trọng rơi, mũi ấn có diện tích lớn.	TCVN 2100-1:2013
106	Phép thử tải trọng rơi, mũi ấn có diện tích nhỏ.	TCVN 2100-2:2013
107	Xác định độ bóng màng sơn	TCVN 2101:2016
108	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính thi công, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn.	TCVN 8653-1:2012
109	Xác định: Hàm lượng chất tạo màng; Phân loại cỡ hạt và xác định hàm lượng hạt thủy tinh; Độ bền nhiệt; Độ mài mòn; Độ kháng cháy; Khối lượng riêng; Độ chống trượt; Nhiệt độ hóa mềm; Điểm chảy mềm; Độ mài mòn của vạch kẻ đường tại hiện trường.	TCVN 8791:2018
110	Phương pháp thử mù muối	TCVN 8792:2011
111	Xác định độ chịu dầu, muối, nước và kiềm	TCVN 8787:2018
112	Xác định độ bền khi ngâm với chất lỏng không phải nước.	TCVN 10517-1:2014
113	Xác định độ bền khi ngâm trong nước.	TCVN 10517-2:2014
114	Xác định độ bền khi ngâm với chất lỏng	TCVN 10517-5:2014
115	Xác định hàm lượng chất không bay hơi.	TCVN 10519:2014
116	Xác định độ nhớt KU	TCVN 9879:2013
117	Xác định độ nhớt Brookfield	ASTM D2196
118	Phương pháp xác định độ bền nhiệt ẩm của màng sơn	TCVN 9405:2012
119	Xác định độ dày màng sơn	TCVN 9760:2013; ISO 2808
120	Xác định tỷ trọng các dung dịch phủ dạng lỏng, sơn	ASTM D1475-13; TCVN 3731:2007; TCVN 10237:2013

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
121	Xác định các chỉ tiêu của sơn Epoxy: Ổn định trong thùng chứa, tính đồng nhất, khả năng thi công sơn, bề ngoài màng sơn, thời gian sống, tính phù hợp với lớp trên, khả năng chịu kiềm, khả năng chịu xăng, khả năng chịu nước muối, hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 9014:2011
Thử nghiệm ống nhựa, vật liệu nhựa, chất dẻo, composit polyme		
122	Xác định độ bền va đập	TCVN 6144:2003; ASTM D256
123	Xác định nhiệt độ hóa mềm Vicat	TCVN 6147:2003
124	Sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148:2007
125	Phương pháp đánh giá ngoại quan ảnh hưởng của gia nhiệt	TCVN 6242:2011
126	Thử nghiệm độ bền chịu nén	TCVN 7997:2009
127	Ống nhựa dùng cho tuyến cáp ngầm. Xác định: Độ bền nén; Lực cán phẳng; Độ hấp thụ nước; Độ bền màu; Độ bền chịu ăn mòn hóa học; Độ biến dạng không vỡ; Tính uốn cong;	TCVN 8699:2011
128	Xác định độ cứng vòng	TCVN 8850:2011
129	Xác định độ đàn hồi vòng	TCVN 8851:2011
130	Xác định tính chất kéo đối với chất dẻo đúc và đùn.	TCVN 4501-2:2009
131	Xác định tính chất kéo đối với màng và tấm.	TCVN 4501-3:2009
132	Xác định tính chất kéo đối với composit chất dẻo gia cường bằng sợi đạng hướng và trục hướng.	TCVN 4501-4:2009
133	Xác định tính chất kéo đối với composit chất dẻo gia cường bằng sợi đơn hướng.	TCVN 4501-5:2009
134	Độ bền uốn	ASTM D790; ISO 187
135	Xác định độ ổn định nhiệt của nhựa PE sử dụng trong ống và phụ tùng	TCVN 7615:2007
136	Ống dùng cho lắp đặt cáp. Thử nén; Thử va đập; Thử uốn; Thử độ mềm dẻo; Thử ép theo chiều dọc; Thử kéo; Thử khả năng chịu nhiệt; Thử khả năng cháy lan.	TCVN 7417-1:2010
137	Thử nghiệm vật liệu composit polyme. Phương pháp: Xác định đường kính danh định; Thử kéo dọc trục; Thử nén; Thử cắt; Xác định cường độ bám dính giới hạn với bê tông; Thử xác định nhanh độ bền kiềm; Xác định nhiệt độ sử dụng giới hạn.	TCVN 11109:2015; ASTM D3039
Thử nghiệm kính xây dựng		
138	Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp – Phương pháp thử độ bền	TCVN 7364-4:2018
139	Xác định ứng suất bề mặt và ứng suất cạnh của kính	TCVN 8261:2009

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
140	Kính hộp gắn kín cách nhiệt: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; kiểm tra kích thước; đo điểm sương; thử độ kín	TCVN 8260:2009
141	Phương pháp xác định độ xuyên quang, độ phản quang	TCVN 7737:2007
142	Thử đặc tính cách âm và hệ số tiêu âm của kính dán.	ISO 22897; ISO 16940
Dây điện, ống luồn dây, máng.		
143	Thử nghiệm vật liệu cách điện và vật liệu làm vỏ bọc của cáp điện và cáp quang: Đo chiều dày và kích thước ngoài	TCVN 6614-1: 2008
144	Thử nghiệm vật liệu cách điện và vật liệu làm vỏ bọc của cáp điện và cáp quang – Xác định lão hóa nhiệt.	TCVN 6614-2: 2008
145	Thử nghiệm vật liệu cách điện và vật liệu làm vỏ bọc của cáp điện và cáp quang - Xác định khối lượng riêng, thử nghiệm hấp thụ nước	TCVN 6614-3: 2008
146	Cáp cách điện bằng Polyvinyl clorua: Kiểm tra độ bền màu và nội dung ghi nhãn; Đo chiều dày cách điện; Đo chiều dày vỏ bọc; Đo các kích thước ngoài và độ ô van; Đo điện trở ruột dẫn; Thử nghiệm điện áp trên cáp hoàn chỉnh; Thử nghiệm điện áp trên cáp lõi; Đo điện trở cách điện; Thử nghiệm độ mềm dẻo; Thử nghiệm uốn; Thử nghiệm kéo dặt; Thử nghiệm tách lõi; Thử nghiệm độ mềm dẻo tĩnh; Độ bền kéo của sợi chính giữa của cáp thang máy.	TCVN 6610-2: 2007
147	Dây điện bọc nhựa PVC – Phương pháp thử: Kiểm tra bên ngoài và đo các kích thước cơ bản của dây; Đo điện trở một chiều; Kiểm tra suất kéo đứt và độ giãn dài tương đối của ruột dẫn điện; Kiểm tra kết cấu cách điện; Kiểm tra điện trở cách điện; Kiểm tra độ bền điện; Kiểm tra suất kéo đứt và độ giãn dài của lớp cách điện; Kiểm tra suất kéo đứt và độ giãn dài tương đối sau khi thử lão hóa	TCVN 2103:1994
148	Đo đường kính và dung sai dây đồng.	TCVN 6612:2007; TCVN 5933: 1995
149	Độ bền với hoá chất và nhiệt độ	TCVN 2105:1990
150	Xác định độ bền va đập, khả năng chịu nhiệt, chịu ăn mòn của phụ kiện	BS 4607: 1984
Thử keo dán ống nhựa PVC .		
151	Keo dán ống nhựa PVC- Xác định: Hàm lượng chất rắn; Độ nhớt; Cường độ bám dính	ASTM D2564; ASTM D1084
152	Tính chất màng; Độ bền cắt của mối nối keo; Độ bền chịu áp suất thủy tĩnh của mối nối keo; Độ bền chịu áp suất thủy tĩnh của mối nối keo.	ISO 9311
Cửa đi và Cửa sổ		
153	Xác định độ lọt khí.	TCVN 7452-1:2004

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
154	Xác định độ kín nước.	TCVN 7452-2:2004
155	Xác định độ bền áp lực gió.	TCVN 7452-3:2004
156	Xác định độ bền góc hàn thanh profile U-PVC	TCVN 7452-4:2004
157	Xác định lực đóng.	TCVN 7452-5:2004
158	Thử nghiệm đóng và mở lặp lại.	TCVN 7452-6:2004
Phương pháp thử sản phẩm vệ sinh		
159	Kiểm tra ngoại quan và sai lệch kích thước; kiểm tra kích thước và độ biến dạng; xác định độ hút nước; xác định độ làm sạch bề mặt xi măng	TCVN 5436:2006
Vật liệu cách nhiệt, chịu nhiệt, thạch cao và bê tông thạch cao		
160	Bông thủy tinh - Xác định kích thước.	TCVN 8055-1:2009
161	Bông thủy tinh - Xác định khối lượng thể tích.	TCVN 8055-2:2009
162	Bông thủy tinh - Xác định nhiệt độ co nóng.	TCVN 8055-3:2009
163	Vật liệu chịu lửa cách nhiệt định hình- Xác định độ bền nén ở nhiệt độ thường.	TCVN 7949-1:2008
164	Vật liệu chịu lửa cách nhiệt định hình- Xác định khối lượng thể tích và độ xốp thực.	TCVN 7949-2:2008
165	Vật liệu Canxi Silicate. Xác định kích thước và khuyết tật, xác định khối lượng thể tích, xác định độ bền nén	TCVN 7950:2008; ISO 8320
166	Vật liệu chịu lửa - Xác định độ bền nén ở nhiệt độ thường.	TCVN 6530-1:2016
167	Vật liệu chịu lửa - Xác định khối lượng riêng.	TCVN 6530-2:2016
168	Vật liệu chịu lửa - Xác định khối lượng thể tích, độ hút nước, độ xốp biểu kiến và độ xốp thực.	TCVN 6530-3:2016
169	Vật liệu chịu lửa - Xác định độ chịu lửa.	TCVN 6530-4:2016
170	Vật liệu chịu lửa - Xác định độ co, nở sau khi nung	TCVN 6530-5:2016
171	Vật liệu chịu lửa - Xác định nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng.	TCVN 6530-6:2016
172	Vật liệu chịu lửa - Xác định độ bền sốc nhiệt.	TCVN 6530-7:2016
173	Vật liệu chịu lửa - Xác định độ bền xi.	TCVN 6530-8:2016
174	Vật liệu chịu lửa - Xác định độ dẫn nhiệt bằng phương pháp dây nóng.	TCVN 6530-9:2016
175	Vật liệu chịu lửa - Xác định độ chịu mài mòn ở nhiệt độ thường.	TCVN 6530-11:2016
176	Vật liệu chịu lửa - Xác định độ bền uốn ở nhiệt độ cao.	TCVN 6530-10:2016
177	Vật liệu chịu lửa - Xác định khối lượng thể tích vật liệu dạng hạt.	TCVN 6530-12:2016
178	Vật liệu chịu lửa - Xác định độ bền ô xy hóa của vật liệu chịu lửa chứa cacbon.	TCVN 6530-13:2016

du

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
179	Thạch cao, xác định: Độ mịn; Thời gian đông kết; độ dẻo tiêu chuẩn; khối lượng riêng; Cường độ nén.	ASTM C472
Thử nghiệm rọ đá, dây thép bọc nhựa		
180	Kích thước dây, chiều dày vỏ bọc, kích thước mắt lưới, khối lượng lớp phủ mạ kẽm.	AASHTO T65M/T65; BS 1052; BS EN 10244-2
181	Tồn thất bay hơi ở 105 ⁰ C trong 24 giờ	ASTM D1203
182	Thử kháng mài mòn	ASTM D1242
Thử nghiệm vật liệu đất gia cố		
183	Đất gia cố bằng chất kết dính vôi xi măng: Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và độ ẩm lớn nhất của hỗn hợp; Xác định độ bền khi nén (cường độ kháng ép); xác định mô đun biến dạng; xác định độ ổn định với nước và nhiệt độ	22TCN 59: 1984
184	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá với chất kết dính vô cơ	TCVN 9843: 2013
185	Xác định cường độ kéo khi ép chèn	TCVN 8862: 2011
186	Xác định độ đầm chặt theo pp khô và ướt	ASTM D559- 03
187	Xác định độ bền theo thời gian	ASTM D560-16
188	Độ ổn định nước sau 5 chu kỳ bão hoà sấy	ASTM C496-74
189	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng trụ	ASTM D1633:96
190	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng thanh	ASTM D1634:96
191	Xác định cường độ uốn của mẫu dạng thanh	ASTM D1635:96

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.



Đe